

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Mr. Ponce

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439101)

Ngày thi: 24/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 46
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240055	Nguyễn Thị Như Ái	20/10/2005	CCQ2324B		Ái	9,1	7.4	8.1	
2	2123240035	Nguyễn Trương Ngọc Quỳnh Anh	25/09/2005	CCQ2324B		th	9,6	9.8	9.7	
3	2123240007	Phạm Thị Ngọc Ánh	27/09/2003	CCQ2324A		Ánh	8,4	5.9	6.9	
4	2123240026	Hứa Thị Bích	07/03/1999	CCQ2324A		hà	9,2	7.2	8.0	
5	2123240052	Huỳnh Ngọc Minh Châu	02/10/2005	CCQ2324B		Cec	8,7	6.0	7.1	
6	2123240021	Phan Hoàng Châu	11/05/2004	CCQ2324A		Phan	9,0	6.3	7.4	
7	2123240009	Bá Thị Mỹ Dáng	16/08/2000	CCQ2324A		Meleaves	9,3	9.3	9.3	
8	2123240025	Nguyễn Huỳnh Đức	25/09/2005	CCQ2324A		Đức	9,4	7.5	8.3	
9	2123240194	Trần Thùy Dung	04/10/2005	CCQ2324B		Thùy	9,5	8.9	9.1	
10	2123240033	Ngô Huỳnh Phương Duy	17/09/2005	CCQ2324B		Co	8,8	5.5	6.8	
11	2123240002	Trần Thị Trúc Hà	18/07/1995	CCQ2324A		Trúc	9,0	7.0	7.8	
12	2123240048	Mai Trinh Mỹ Hằng	30/04/2005	CCQ2324B		Trang	8,6	5.0	6.4	
13	2123240027	Đoàn Khắc Huy	26/10/2005	CCQ2324A		Đoàn	8,8	8.7	8.7	
14	2123240020	Phan Minh Huy	10/01/2004	CCQ2324A		Minh	8,5	7.3	7.8	
15	2123240161	Giáp Thị Thanh Huyền	06/12/2005	CCQ2324B		Huyen	9,1	5.4	6.9	
16	2123240008	Đặng Ngọc Khải	04/12/2004	CCQ2324A		Đặng	8,8	5.3	6.7	
17	2123240011	Trần Khánh Minh	18/05/2002	CCQ2324A		Minh	9,0	7.2	7.9	
18	2123240001	Bùi Trà My	12/10/2003	CCQ2324A		My	9,2	8.7	8.9	
19	2123240003	Châu Kim Ngân	26/03/2003	CCQ2324A		Kim	8,8	4.7	6.3	
20	2123240056	Phạm Thị Kim Ngân	29/03/2005	CCQ2324B		Phạm	9,1	3.3	5.6	
21	2123240014	Trần Thị Kim Ngân	28/08/2005	CCQ2324A		Trần	9,0	9.4	9.2	
22	2123240040	Nguyễn Kim Ngọc	07/11/2005	CCQ2324B		Kim	9,7	7.4	8.3	
23	2123240030	Nguyễn Ngọc Phương Nguyên	02/11/2005	CCQ2324A		Phu	8,4	5.8	6.8	
24	2123240013	Hà Thị Ánh Nguyệt	24/02/2003	CCQ2324A		Ánh	9,0	9.2	9.1	
25	2123240045	Danh Hữu Nhân	24/05/2005	CCQ2324B		Lo	9,4	9.1	9.2	
26	2123240005	Huỳnh Lương Khánh Nhi	07/06/2003	CCQ2324A		Nhi	9,3	9.2	9.2	
27	2123240031	Lý Thị Bích Nhi	27/07/2005	CCQ2324B		ah	8,6	6.4	7.3	
28	2123240004	Nguyễn Thị Yến Nhi	24/11/2003	CCQ2324A		Nhi	9,0	6.4	7.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Mr. Ponce

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439101)

Ngày thi: 24/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 46..

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240032	Lê Thị Tố	Như	10/07/2005	CCQ2324B		9,2	4.2	6.2	
30	2123240037	Hà Thị Thuý	Tân	25/07/2005	CCQ2324B		9,0	8.4	8.6	
31	2123240006	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	14/09/2003	CCQ2324A		9,7	9.6	9.6	
32	2123240046	Nguyễn Hữu	Thành	25/01/2005	CCQ2324B		8,6	5.8	6.9	
33	2123240024	Lê Vũ Phương	Thảo	20/10/2005	CCQ2324A		9,0	5.6	7.0	
34	2123240012	Nguyễn Thị Ngọc	Thi	22/02/2004	CCQ2324A		9,5	9.0	9.2	
35	2123240050	Võ Ngọc Anh	Thi	13/11/2005	CCQ2324B		8,7	5.2	6.6	
36	2123240017	Hà Minh	Thư	02/02/2005	CCQ2324A		9,0	8.2	8.5	
37	2123240018	Huỳnh Thị Anh	Thư	29/10/2005	CCQ2324A		8,6	6.0	7.0	
38	2123240047	Lê Thị Hoài	Thương	28/07/2005	CCQ2324B		8,4	5.3	6.5	
39	2123240019	Vũ Thị	Thương	01/12/2005	CCQ2324A		8,5	3.4	5.4	
40	2123240053	Huỳnh Thị Thu	Thủy	30/08/2005	CCQ2324B		8,8	5.6	6.9	
41	2123240051	Nguyễn Thị Chung	Thủy	10/10/2005	CCQ2324B		8,5	1.1	4.1	
42	2123240054	Phạm Thị Thùy	Trang	20/09/2005	CCQ2324B		8,4	4.3	5.9	
43	2123240058	Nguyễn Vũ	Trường	30/04/1999	CCQ2324B		9,0	7.1	7.9	
44	2123240036	Hồ Lê Mỹ	Uyên	09/05/2005	CCQ2324B		8,7	5.0	6.5	
45	2123240049	Đoàn Thị Bích	Vân	19/03/2005	CCQ2324B		8,6	3.8	5.8	
46	2123240028	Trương Thị Hà	Vy	14/10/2005	CCQ2324A		8,4	4.5	6.1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Mr. Ponce

Đ. 55

H. 0

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439105)

Ngày thi: 24/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 55

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240172	Đàm Thị Mỹ	An	02/12/2005	CCQ2324F		9,3	9,1	9,2	
2	2123240165	Dương Nguyễn Khánh	An	26/11/2005	CCQ2324F		8,8	6,7	7,5	
3	2121240050	Trần Ngọc Phương	Anh	17/05/2002	CCQ2124B		8,6	4,1	5,9	
4	2123240171	Nguyễn Thị	Ánh	04/01/2005	CCQ2324F		9,1	5,8	7,1	
5	2123240130	Đặng Lê Quốc	Bảo	22/08/2005	CCQ2324E		8,6	5,8	6,9	
6	2123240181	Nguyễn Hải	Đặng	04/02/2004	CCQ2324F		9,0	6,5	7,5	
7	2123240169	Trần Châu	Đoan	16/08/2005	CCQ2324F		8,5	4,7	6,2	
8	2123240176	Đinh Thị Thùy	Dương	25/06/2005	CCQ2324F		9,1	8,1	8,5	
9	2123240154	Văn Gia	Hân	18/10/2005	CCQ2324E		9,3	8,3	8,7	
10	2123240188	Nguyễn Thị	Hiền	02/01/2004	CCQ2324F		8,7	5,5	6,8	
11	2123240134	Nguyễn Minh	Hiếu	24/08/2005	CCQ2324E		9,3	8,1	8,6	
12	2123240184	Phạm Huỳnh	Hoa	07/03/2002	CCQ2324F		8,7	8,8	8,8	
13	2123240131	Đặng Thị Thanh	Huệ	24/07/2005	CCQ2324E		8,8	6,3	7,3	
14	2121240004	Bùi Quốc	Hữu	31/01/2003	CCQ2124A		8,4	3,9	5,7	
15	2123240140	Lê Gia	Huy	29/05/2005	CCQ2324E		8,0	6,5	7,1	
16	2123240167	Nguyễn Thị Xuân	Huỳnh	30/07/2005	CCQ2324F		8,4	6,4	7,2	
17	2123240138	Lê Thị Ý	Khuyên	06/09/2005	CCQ2324E		8,5	5,9	6,9	
18	2123240159	Đỗ Thị Thùy	Linh	22/11/2005	CCQ2324F		9,3	9,3	9,3	
19	2123240135	Nguyễn Đặng Phương	Linh	02/09/2005	CCQ2324E		9,0	3,5	5,7	
20	2123240144	Đào Nguyễn Thanh	Ly	12/05/2005	CCQ2324E		8,8	7,7	8,1	
21	2123240178	Huỳnh Kim	Ngân	02/04/2005	CCQ2324F		9,1	9,1	9,1	
22	2123240190	Nguyễn Bảo Gia	Ngân	11/06/2005	CCQ2324F		9,4	8,4	8,8	
23	2123240174	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	03/06/1999	CCQ2324F		9,0	8,6	8,8	
24	2123240160	Lê Như	Ngọc	05/08/2005	CCQ2324F		9,2	8,4	8,7	
25	2123240157	Võ Thị Như	Ngọc	10/07/2005	CCQ2324E		9,2	8,6	8,8	
26	2123240150	Võ Nguyễn Minh	Nhật	19/06/2005	CCQ2324E		8,7	6,5	7,4	
27	2123240170	Đặng Thị Yến	Nhi	19/10/2005	CCQ2324F		9,4	7,6	8,3	
28	2123240141	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	27/05/2004	CCQ2324E		8,7	4,9	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học: Tiếng Anh giao tiếp văn phòng
(22439105)

Ngày thi: 24/07/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 55

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Mr. Ponce

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240180	Bùi Thủy Oanh	24/09/2005	CCQ2324E			8,5	5,9	6,9	
30	2123240146	Vũ Thành Phước	31/08/2005	CCQ2324E			9,3	9,1	9,2	
31	2123240153	Nguyễn Thị Hồng	27/06/2005	CCQ2324E			9,2	8,7	8,9	
32	2123240133	Nguyễn Như Quỳnh	02/03/2005	CCQ2324E			9,3	8,2	8,6	
33	2123240151	Nguyễn Thị Như Quỳnh	10/11/2005	CCQ2324E			9,3	8,9	9,1	
34	2123240148	Trần Nguyễn Ngọc Quỳnh	21/06/2005	CCQ2324E			9,0	6,5	7,5	
35	2123240149	Nguyễn Thị Thắm	07/07/2005	CCQ2324E			8,4	4,6	6,1	
36	2123240139	Trần Thị Phương Thanh	04/02/2005	CCQ2324E			9,1	9,0	9,0	
37	2123240158	Nguyễn Phước Thành	08/08/2005	CCQ2324F			9,1	7,9	8,4	
38	2123240183	Đỗ Nguyễn Phương Thảo	09/10/2005	CCQ2324F			8,4	8,1	8,2	
39	2123240179	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18/12/2005	CCQ2324F			9,6	6,4	7,7	
40	2123240168	Lê Nguyễn Duy Thịnh	29/04/2005	CCQ2324F			8,0	4,5	5,9	
41	2123240206	Thị Thơm	26/08/2002	CCQ2324F			8,8	5,4	6,8	
42	2123240173	Lê Minh Thư	03/12/2005	CCQ2324F			9,0	5,6	7,0	
43	2123240142	Nguyễn Ngọc Anh Thư	09/02/2005	CCQ2324E			9,2	5,4	6,9	
44	2123240185	Vũ Minh Thư	16/08/2005	CCQ2324F			9,2	7,5	8,2	
45	2123240155	Lê Thị Thanh Thuý	29/07/2005	CCQ2324E			9,1	6,0	7,2	
46	2123240128	Đoàn Văn Tiến	13/04/2005	CCQ2324E			9,0	7,4	8,0	
47	2123240201	Lê Hữu Trác	02/04/1999	CCQ2324D			9,2	8,9	9,0	
48	2123240205	Bùi Thị Ngọc Trâm	15/09/2005	CCQ2324E			0,0			
49	2123240202	Lê Thị Thùy Trang	29/12/1999	CCQ2324E			9,1	6,9	7,8	
50	2123240126	Nguyễn Lê Tuyết Trinh	23/09/2003	CCQ2324E			9,0	4,5	6,3	
51	2123240129	Nguyễn Thị Kim Tuyền	05/06/2005	CCQ2324E			8,6	2,6	5,0	
52	2123240156	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	16/11/2005	CCQ2324E			8,5	5,4	6,6	
53	2123240182	Huỳnh Lê Tường Vi	20/05/2005	CCQ2324F			9,7	9,6	9,6	
54	2123240175	Nguyễn Thị Diễm Vy	20/11/2005	CCQ2324F			8,5	7,7	8,0	
55	2123240136	Phạm Nguyễn Khánh Vy	15/03/2005	CCQ2324E			8,9	6,2	7,3	
56	2123240162	Nguyễn Thị Kim Xuyên	16/10/2003	CCQ2324F			9,1	9,2	9,2	